CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ

Ngày 30/09/2025	1,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.3%	**12.5%**	**0%**

DT thuần
Q3/25
20.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.50| 2.7%
YoY: ▼22.6| -52.2%

LN thuần
Q3/25
-1.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.54| 26.8%
YoY: ▲ 3.22| 68.5%

LN sau thuế
Q3/25
-15.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.9| -226%
YoY: ▼11.0| -234%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-72.1%
YoY: +/-▼ 53.7%

ROE (TTM)
Q3/25
-1.5%
YoY: +/-▼ 2.5%

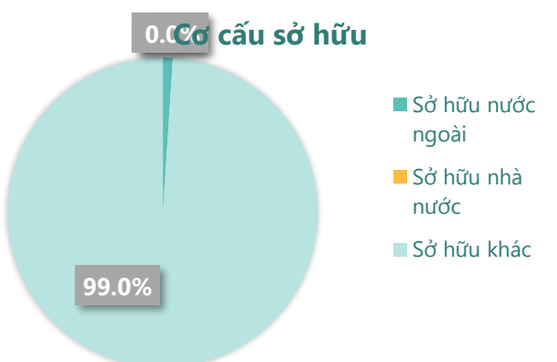
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,200 - 2,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	89
Số lượng CPLH (CP)	49,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	434,870
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	1.18
EPS	-136
P/E	-13.3

DT thuần
9T 2025
78.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.3| -34.5%

LN thuần
9T 2025
-8.03
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.77| 45.6%

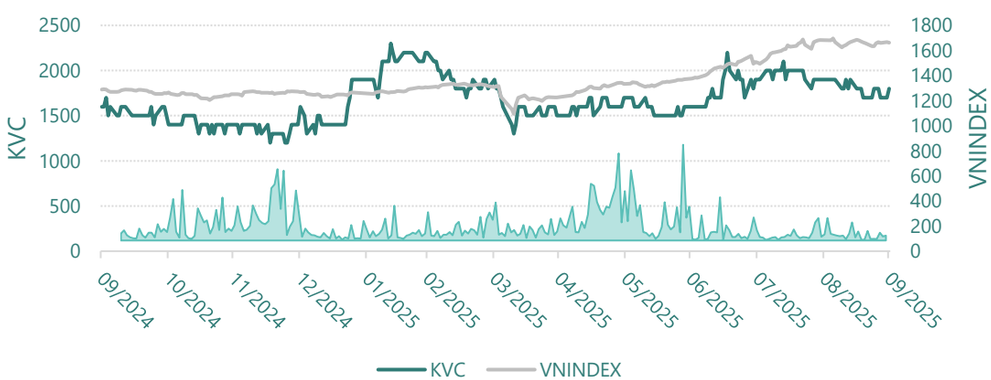
LN sau thuế
9T 2025
-25.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.3| -69.5%

Cơ cấu sở hữu

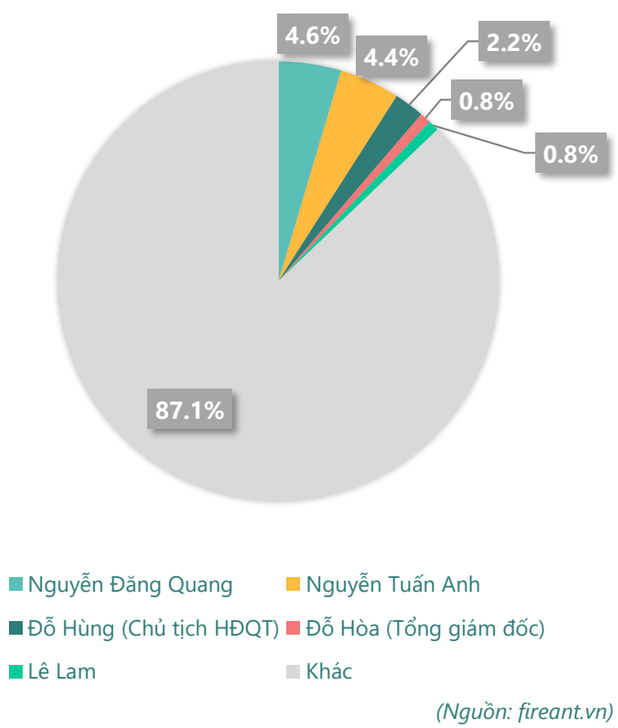


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



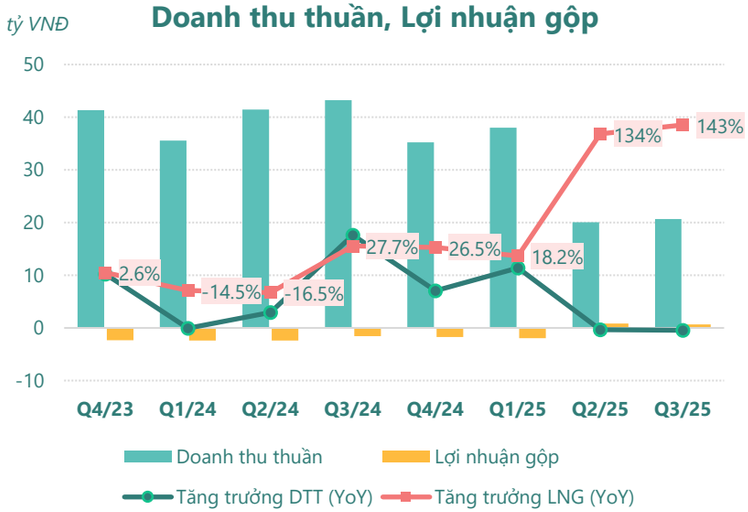
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

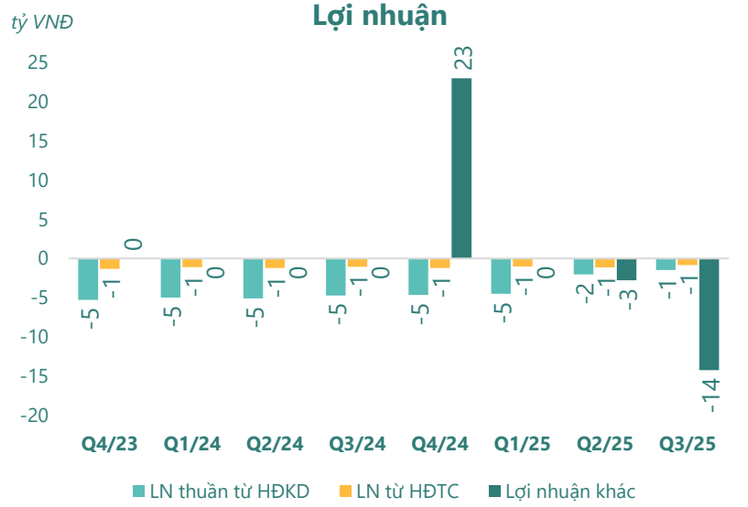
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



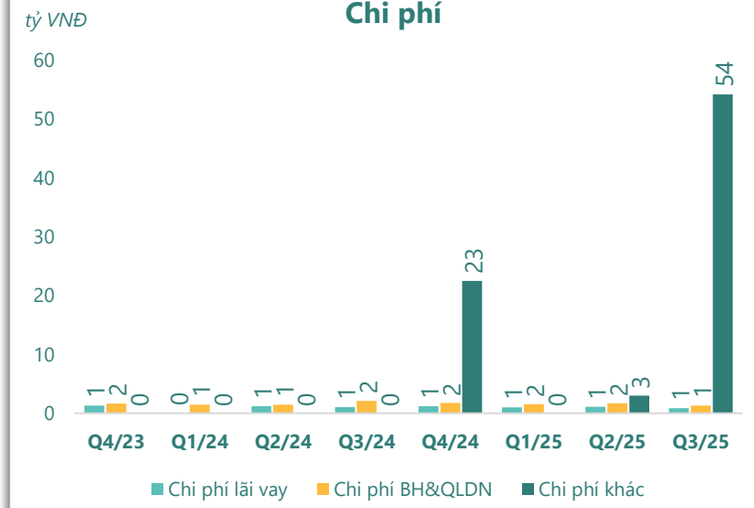
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



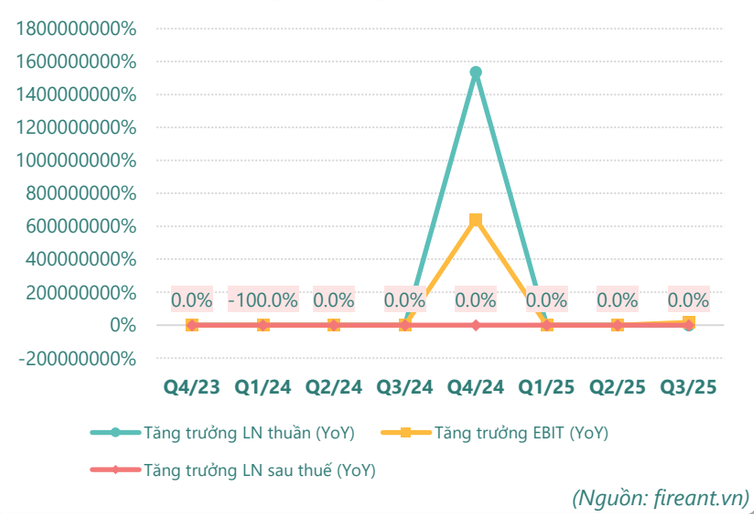
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



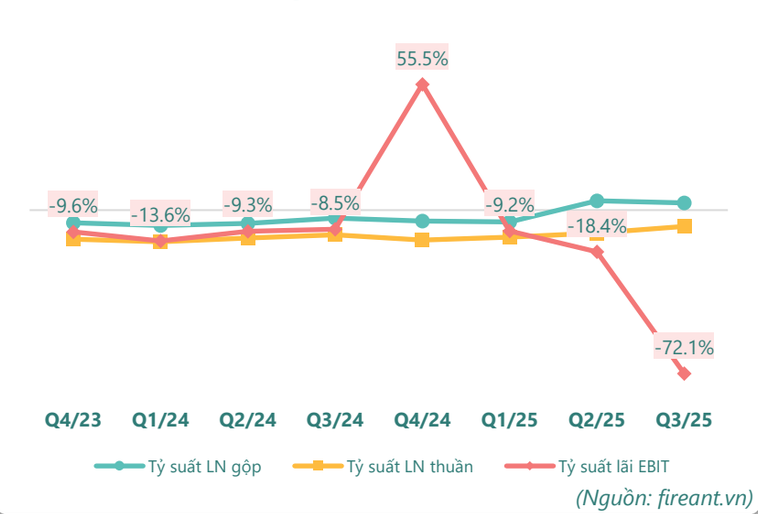
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



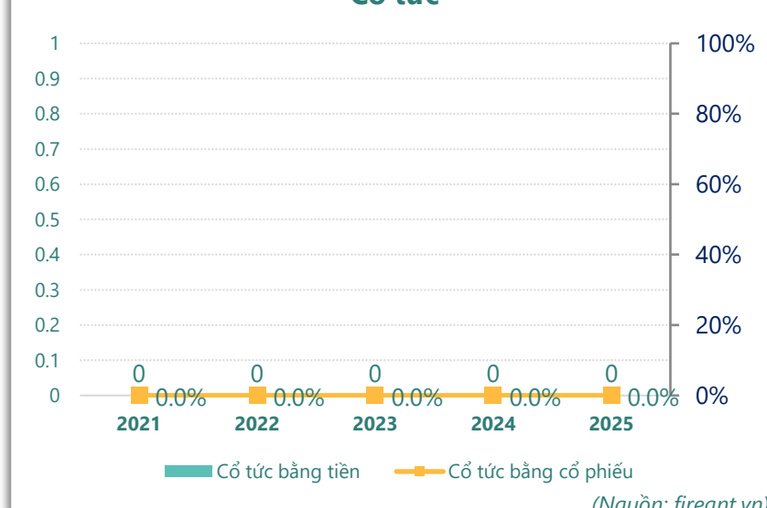
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

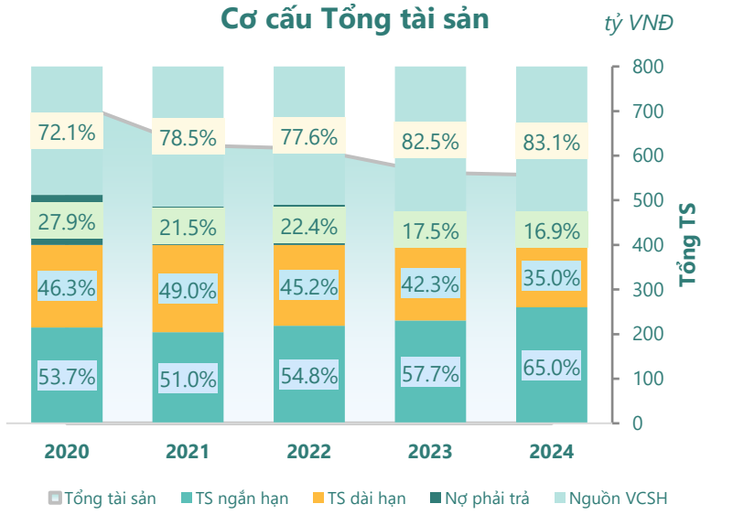
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

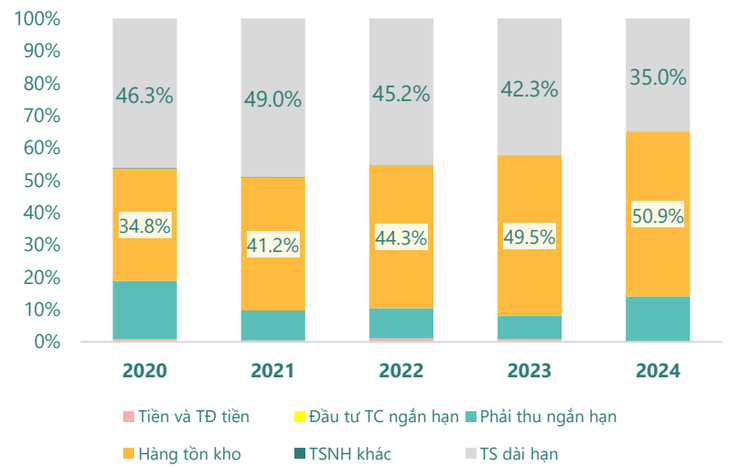
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



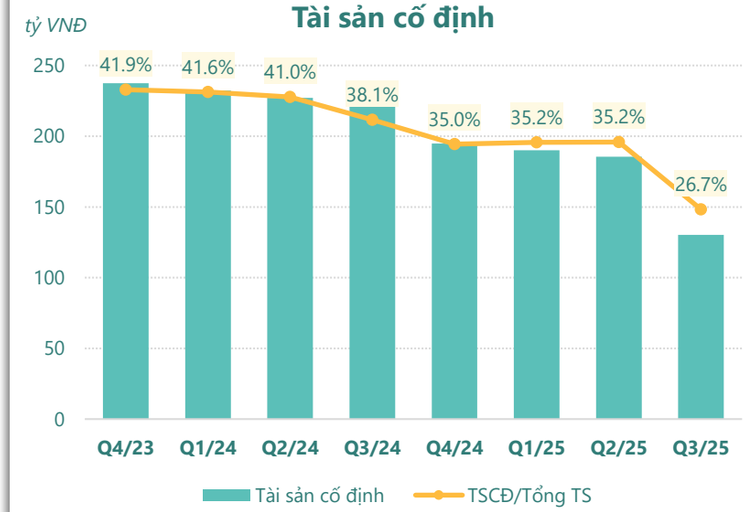
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



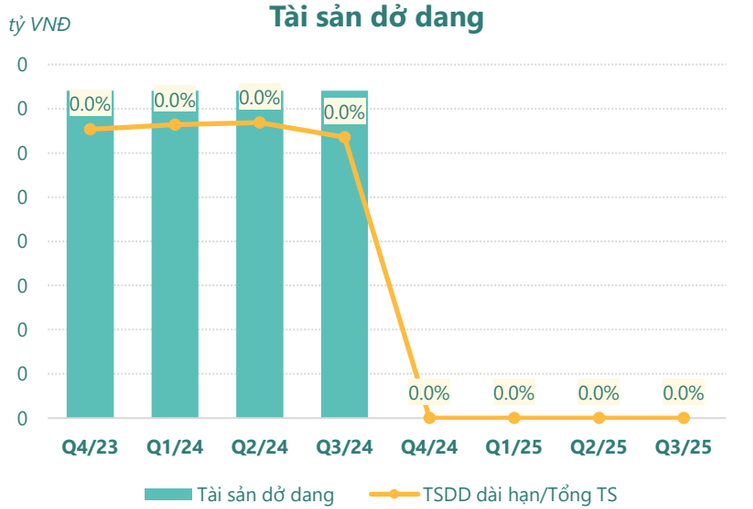
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



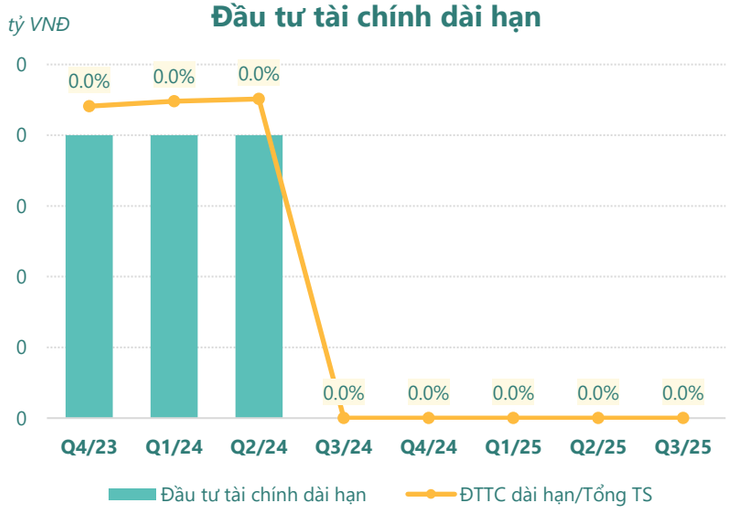
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



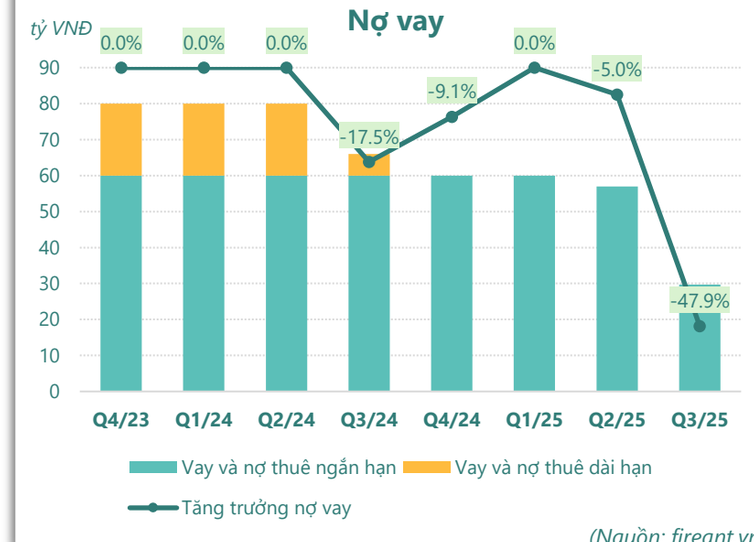
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

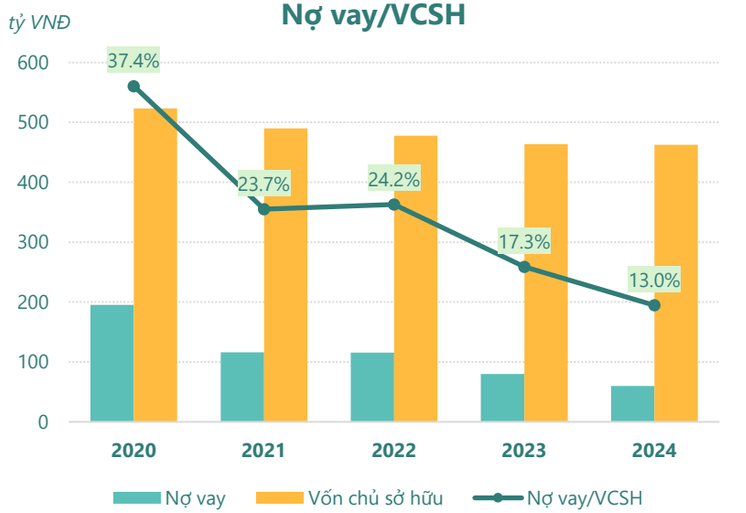
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

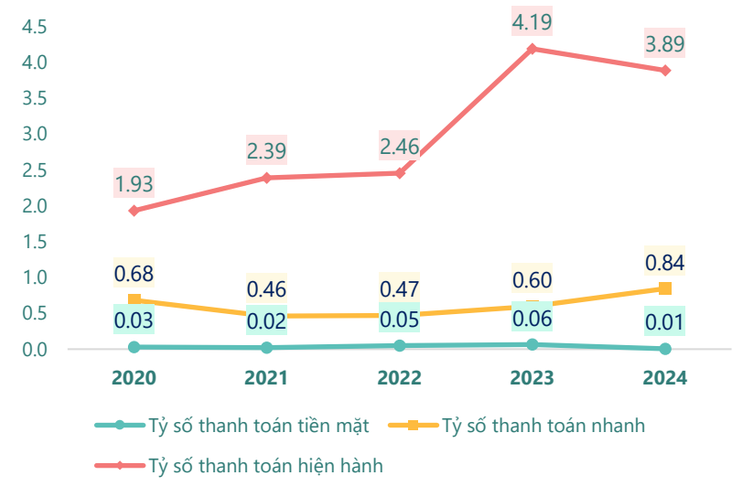
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



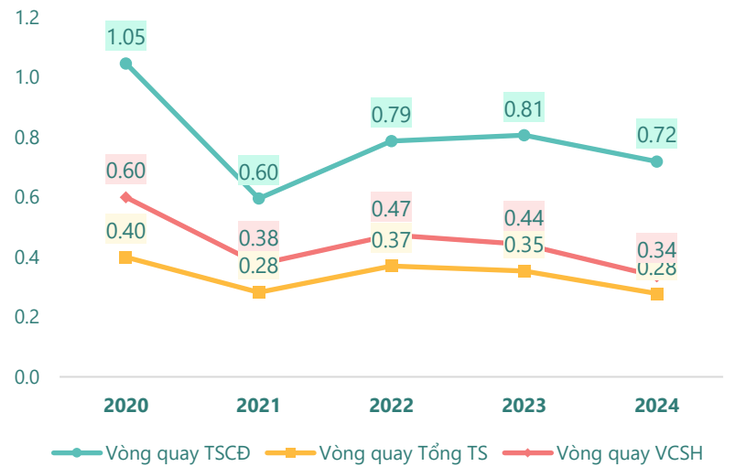
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



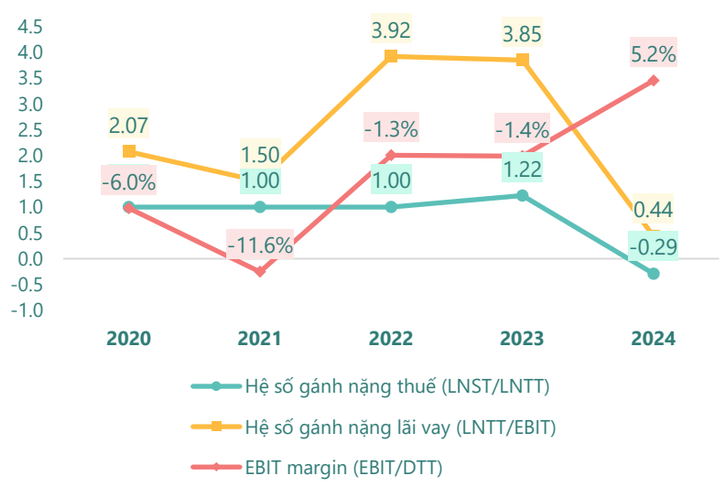
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



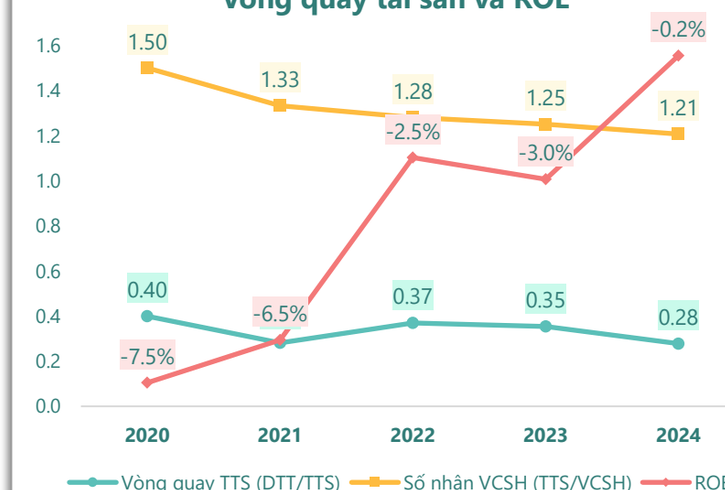
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



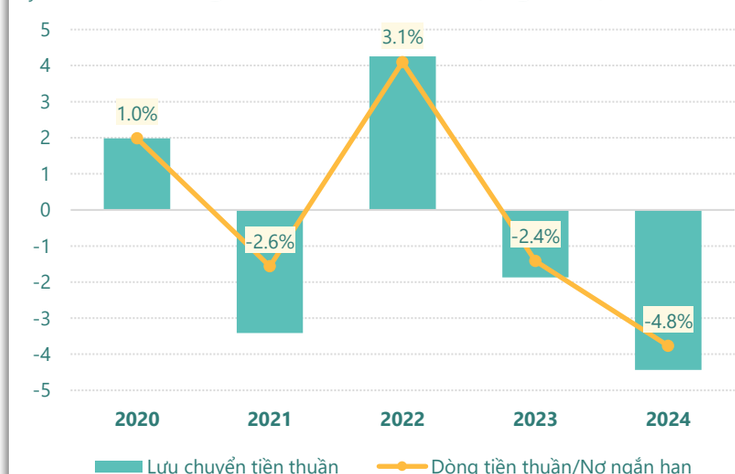
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**20.6**	**43.2**	**-52.2%**	**78.7**	**120**	**-34.5%**
Giá vốn hàng bán	20.0	44.8	-55.4%	79.2	127	-37.4%
Lợi nhuận gộp	0.66	-1.54	143%	-0.49	-6.36	92.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	-0.01	100%	0.00	0.00	-85.9%
Chi phí TC	0.83	1.05	-20.7%	2.98	3.39	-12.1%
Chi phí lãi vay	0.83	1.05	-20.7%	2.98	2.39	24.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.56	0.86	-35.0%	1.68	1.19	40.6%
Chi phí QLDN	**0.75**	**1.26**	**-40.6%**	**2.89**	**3.83**	**-24.5%**
LN thuần từ HĐKD	-1.49	-4.71	68.5%	-8.03	-14.8	45.6%
Lợi nhuận khác	**-14.2**	**0.00**		**-17.0**	**-0.01**	**-115339%**
LN trước thuế	-15.7	-4.71	-234%	-25.1	-14.8	-69.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-15.7**	**-4.71**	**-234%**	**-25.1**	**-14.8**	**-69.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-15.7**	**-4.71**	**-234%**	**-25.1**	**-14.8**	**-69.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.87	16.3	-44.5	3.91	4.26	-4.41
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.19	45.5	0.00	0.00	29.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	-14.0	-6.00	0	-3.00	-27.3
Tiền đầu kỳ	10.8	2.92	5.45	0.53	4.44	5.70
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.88**	**2.53**	**-4.93**	**3.91**	**1.26**	**-2.01**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.92	5.45	0.53	4.44	5.70	3.69

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**488**	**556**	**-12.4%**
Tài sản ngắn hạn	357	362	-1.2%
Tiền và tương đương tiền	3.69	0.53	599%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	65.0	77.3	-15.9%
Hàng tồn kho	288	283	1.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.74	0.70	6.4%
Tài sản dài hạn	**130**	**195**	**-33.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	130	195	-33.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	50.0	93.8	-46.7%
Nợ ngắn hạn	**49.4**	**93.1**	**-46.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	29.7	60.0	-50.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.8	24.6	-52.2%
Nợ dài hạn	0.62	0.76	-19.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**438**	**463**	**-5.4%**
Vốn chủ sở hữu	**438**	**463**	**-5.4%**
Vốn điều lệ	495	495	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)